

NHỮNG TRỤ CỘT CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

(1954 - 1963)

Phạm Thúc Sơn

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Chính quyền Đệ nhất Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam (1954 – 1963) đã xây dựng và tạo ra nền tảng chính trị – xã hội gồm chế độ gia đình trị họ Ngô, giáo dân Công giáo di cư, Đảng Cần lao Nhân vị và Phong trào Cách mạng Quốc gia. Đây là những trụ cột về chính trị – xã hội tồn tại từ 1955 cho đến 1963 khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Đảng Cần lao Nhân vị và Phong trào Cách mạng Quốc gia tập hợp lực lượng tạo cơ sở xã hội cho chế độ, chống lại các lực lượng đối lập, giúp Ngô Đình Diệm phế truất Bảo Đại... Hai tổ chức này, một chìm một nổi cộng với việc giao những vị trí then chốt trong Đảng Cần lao Nhân vị, trong chính quyền cho những người trong gia đình và lực lượng giáo dân di cư từ miền Bắc vào đã trở thành chỗ dựa chính trị – xã hội của chính quyền Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa. Chỗ dựa chính trị – xã hội của chính quyền Đệ nhất Cộng hòa miền Nam Việt Nam giúp Ngô Đình Diệm làm tròn vai trò của mình trên "sân khấu" chính trị, thu tóm quyền lực mà vẫn rêu rao cái gọi là “độc lập”, “dân chủ” ở miền Nam Việt Nam.

Từ khóa: gia đình trị, cần lao nhân vị, cách mạng quốc gia

1. Chế độ gia đình trị họ Ngô

Gia đình nhà họ Ngô và thông gia của nhà họ Ngô là họ Trần là những người ủng hộ cho chế độ Việt Nam Cộng hòa. Gia đình nhà họ Ngô có 5 anh em trai (trừ anh cả là Ngô Đình Khôi – nguyên tổng đốc Quảng Nam dưới thời thuộc Pháp – đã bị nhân dân Huế xử tử hồi Cách mạng tháng Tám 1945), Ngô Đình Diệm còn 4 anh em đều được sử dụng trong bộ máy cai trị của chính quyền ở các cấp độ, mức độ khác nhau. Anh thứ 2 là Ngô Đình Thục, Giám mục Vĩnh Long sau đó được thăng chức Tổng giám mục Huế. Trong thời gian học trường Truyền giáo ở Roma, Ngô Đình Thục đã làm quen với Francis Spellman và sau này là Hồng y, Tổng giám mục New York, Tổng tuyên úy Quân đội Mỹ, một người khét tiếng chống cộng[1].

Năm 1950, Ngô Đình Thục và Ngô Đình Diệm đi dự Năm Thánh, sau đó sang Mỹ, Tại đây Ngô Đình Diệm được Francis Spellman nhận làm cha đỡ đầu trong suốt những ngày sống lưu vong. Sau khi về Sài Gòn, Ngô Đình Thục chuyên vận động Tòa thánh Vatican, các giáo hội Công giáo, các đảng phái và các tổ chức Công giáo các nước ủng hộ và giúp đỡ Ngô Đình Diệm. Tuy không chính thức giữ một chức vụ gì trong bộ máy chính quyền, nhưng thực tế Ngô Đình Thục có quyền hạn lớn khi các tướng tá, chính khách và thương gia “tìm đến ông để xin xỏ ân huệ, đặc quyền”[2], “trên bàn giấy của tôi, nằm chồng chất những lô đơn xin tôi can thiệp cho họ ơn này ơn nọ”[3] một tướng lãnh của chế độ Sài Gòn kể lại: “Ông Thục trở thành một cố vấn tối cao của chế độ (...).

Các viên chức cao cấp của ba ngành: hành pháp, lập pháp và tư pháp chăm chỉ đến cung kính hầu cận Đức cha”[4].

Ngô Đình Nhu là em thứ bảy của Ngô Đình Diệm. Tài liệu “CIA và nhà Ngô” do Trung tâm Nghiên cứu tình báo của Hoa Kỳ cho biết: “Từ 1951, cơ quan tình báo trung ương Hoa Kỳ CIA đã cử điệp viên Edward Korn sang Việt Nam liên lạc với Nhu”[5]. Sau khi Ngô Đình Diệm nắm chính quyền, ông là cố vấn chính trị của Tổng thống, Tổng bí thư Đảng Cần lao Nhân vị, Tổng thủ lĩnh Thanh niên Cộng hòa, người chỉ huy hai ngành tình báo và mật vụ của chế độ Sài Gòn, dân biểu Quốc hội, chủ tịch Ủy ban liên bộ đặc trách áp chiến lược. Quyền hành của ông là vô hạn, đôi khi lấn lướt cả Tổng thống.

Người em thứ tám của Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Cẩn sống ở Huế, được cử làm cố vấn chỉ đạo các đoàn thể chính trị ở trung nguyên và cao nguyên Trung phần. Dư luận gọi ông là “lãnh chúa miền Trung” vì ông có toàn quyền sinh, quyền sát.

Người em út của Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Luyện. Năm 1954, Ngô Đình Luyện được cử làm đại sứ lưu động ở châu Âu, sau đó làm đại sứ tại Vương quốc Anh. Vì là em của Tổng thống nên các đại sứ ở châu Âu và Bắc Phi phải nể sợ và vâng lời”[6].

Một cháu rể gọi Ngô Đình Diệm bằng cậu vợ là Trần Trung Dũng được Ngô Đình Diệm cử làm ủy viên Ủy ban bảo vệ Bắc Việt (9-7-1954), sau đó làm Bộ trưởng Phủ Thủ tướng (17-12-1954) rồi Tổng phụ tá Quốc phòng (30-5-1955), Trung ương ủy viên Đảng Cần lao Nhân vị.

Nhiều người trong gia đình họ Trần cũng được Ngô Đình Diệm tín nhiệm, giao nhiều chức vụ quan trọng. Trước hết phải kể đến em dâu Ngô Đình Diệm là Trần Thị

Lệ Xuân, vợ Ngô Đình Nhu. Ngoài chức vụ dân biểu Quốc hội, Trần Thị Lệ Xuân còn là Chủ tịch Phong trào phụ nữ liên đới, Tổng thủ lĩnh Thanh nữ Cộng hòa, Phụ nữ bán quân sự. Vì Ngô Đình Diệm không có vợ nên bà trở thành “Đệ nhất phu nhân” của chế độ Sài Gòn. Cha Trần Thị Lệ Xuân, luật sư Trần Văn Chương, được Ngô Đình Diệm cử làm Quốc vụ khanh trong chính phủ đầu tiên nền Đệ nhất cộng hòa (6-7-1954), sau đó làm đại sứ tại Hoa Kỳ trong 9 năm từ 6-8-1954 đến 22-8-1963. Mẹ Trần Thị Lệ Xuân, được cử làm quan sát viên thường trực bên cạnh Liên Hiệp Quốc. Chú ruột Trần Lệ Xuân là Trần Văn Đỗ làm Tổng trưởng Ngoại giao từ 6-7-1954. Anh rể Trần Thị Lệ Xuân, Nguyễn Hữu Châu, được cử làm Tổng trưởng đại diện Phủ Thủ tướng, kiêm nhiệm chức Tổng trưởng Nội vụ từ 30-4-1965.

2. Cần lao Nhân vị Cách mạng đảng

Yêu cầu sống còn đặt ra cho Ngô Đình Diệm cần có một tổ chức chính trị khả dĩ có thể tập hợp các tổ chức, lực lượng công giáo di cư và các thành phần chống cộng khác làm đối trọng với thế lực còn lại của Pháp ở miền Nam Việt Nam. Từ nhu cầu đó, anh em Ngô Đình Diệm cho thành lập Đảng Cần lao Nhân vị và lấy thuyết *nhân vị duy linh* làm học thuyết chính trị – nền tảng tư tưởng cho Đảng này. Ngày 2/9/1954, Đảng Cần lao Nhân vị được thành lập theo nghị định số 116/BNV/CT[7], với nòng cốt là các tổ chức, lực lượng Công giáo phản động được thành lập từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 như Liên đoàn Công giáo, Thanh niên Công giáo, Xã hội Công giáo... thành phần đảng này chủ yếu chức sắc và tín đồ Công giáo trong số dân cư và công chức cùng sĩ quan trung, cao cấp trong quân đội, với số lượng đảng viên lên tới 70 ngàn người. Chức sắc và tín đồ Công

giáo trong số dân cư và công chức cùng sĩ quan trung cao cấp trong quân đội, với số lượng đảng viên lên tới 70 ngàn người.

Lãnh đạo cao cấp của đảng Cần lao Nhân vị gồm Trần Trung Dung, Nguyễn Tăng Nguyên, Lý Trung Dung, Hà Đức Minh, Trần Quốc Bửu, Võ Như Nguyễn, Lê Văn Đông do Ngô Đình Nhu làm Đảng trưởng. Ralph McGehee – Sĩ quan tình báo Hoa Kỳ, trong tác phẩm “Sự lừa dối kinh hoàng” nhận xét: “Để củng cố ảnh hưởng chính trị của Ngô Đình Diệm, CIA giúp ông ta thành lập Đảng Cần lao. Em ông ta là Ngô Đình Nhu trở thành người cầm đầu đảng này”[8]. Mục đích của Đảng là: “đấu tranh để thực hiện lý tưởng cách mạng Nhân vị... đoàn kết các tầng lớp dân chúng; kiến thiết Quốc gia trên bốn lĩnh vực: tinh thần – xã hội – chánh trị và kinh tế” và hoạt động theo nguyên tắc “dân chủ tập trung”[9]. Tuyên ngôn của Đảng Cần lao Nhân vị được phổ biến rộng rãi với những ngôn từ cổ súy cho sự tự do, dân chủ theo kiểu Nhân vị. Một mặt phê phán chủ nghĩa Tư bản: “Công nghệ cực kỳ bành trướng mà con người vẫn bị đói rét. Những phát minh khoa học đã cải tạo được cả thiên nhiên, mà chỉ nhằm lợi nhuận không hề có mục đích phục vụ nhu cầu của đại đa số”. Đồng thời xuyên tạc chủ nghĩa xã hội khi cho rằng: “dưới áp lực của đoàn thể ở nơi này, cũng như ích kỷ cá nhân nơi khác, đời sống vật chất và tinh thần của con người trở thành nô lệ truyền kiếp để phụng sự cho chủ nghĩa duy vật”[10]. Về tổ chức, phỏng theo tổ chức của các đảng Cộng sản, Ngô Đình Nhu đã tổ chức Đảng Cần lao Nhân Vị theo các cấp bộ từ trung ương đến cơ sở, với tổ chức cơ sở là chi bộ. Nguyên tắc hoạt động đầu tiên của đảng này là bí mật. “Tiềm lực của Đảng là cơ sở bí mật tối cần thiết để bảo vệ cho các bộ phận công

khai, gặp khi tình thế thúc đẩy các hoạt động của Đảng phải rút lui hoàn toàn vào bí mật”[11]. Đồng thời nhấn mạnh vai trò của Đảng Cần lao đối với chính quyền “nếu cần phải ứng phó với một tình trạng khẩn trương đặc biệt, Trung ương cũng có trọn quyền chuyển toàn bộ cơ sở thành những cơ cấu tổ chức hoạt động quyết liệt, để nắm vững những phần chủ động trong mọi hoàn cảnh. Ví dụ: nếu xét cần, cũng có thể thiết lập một ủy ban chỉ đạo chính trị, một quân ủy hội, một bộ máy phòng giam và phản gián, một cơ quan quân pháp, một tổ chức xã hội (y tế, cứu tế...) trong tình thế đặc biệt...[12].

Bên cạnh một bộ phận hoạt động công khai, Ngô Đình Nhu đưa phần lớn đảng viên Đảng Cần lao Nhân vị tham gia hoạt động ngầm trong các tổ chức như: Thanh niên Cộng hòa, Phụ nữ Liên đới, Thanh nữ Cộng hòa, Sở Nghiên cứu Chính trị – Xã hội. Các tổ chức này tuy theo vị trí, không chỉ trực tiếp tham gia vào guồng máy chính quyền Việt Nam Cộng hòa, mà còn có nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động của các tổ chức chính trị và xã hội khác.

Trong thời gian thế lực của Pháp ở miền Nam Việt Nam còn chiếm ưu thế, nhất là trong quân đội, anh em Ngô Đình Diệm đưa đảng viên vào “nằm vùng” trong bộ máy quân sự ở các cấp với nhiệm vụ chủ yếu là do thám và thanh trừng các phần tử đối lập trong bộ máy quân sự.

Thực hiện chủ trương “chính quyền hóa 70% cán bộ của đảng”, năm 1955 Ngô Đình Nhu đẩy mạnh việc đưa đảng viên Cần lao vào các vị trí trọng yếu trong chính quyền và tiến hành “Cần lao hóa” bộ máy nhà nước. Ngô Đình Nhu cử Trần Chánh Thành làm Chủ tịch Phong trào Cách mạng Quốc gia. Tiếp đó khi Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đầu tiên được thành lập, Ngô Đình Diệm đã đưa Trần Trung Dung là Bộ trưởng Quốc

phòng, Vũ Văn Mẫu là Bộ trưởng Ngoại giao, Trần Chánh Thành là Bộ trưởng Thông tin và Thanh niên, Trần Văn Lắm làm Chủ tịch Quốc hội. Ngày 4-3-1956, khi Quốc hội lập hiến của chế độ Việt Nam Cộng hòa được bầu Đảng Cần lao Nhân vị của Ngô Đình Nhu chiếm đa số trong quốc hội, tính tổng cộng Đảng Nhân vị đã chiếm 112/123 ghế trong Quốc hội. Trong Quốc hội khóa 2 số ghế đảng này có là 109/123.

Từ năm 1957, chính quyền Ngô Đình Diệm đi sâu hơn một bước với chủ trương “Cần lao Công giáo hóa” chính quyền. Lý thuyết nhân vị được pha trộn thêm lý thuyết của giáo lý Công giáo. Đảng Cần lao Nhân vị trở thành đảng “Cần lao Công giáo”, coi tôn giáo là yếu tố độc nhất làm cơ sở cho sự hoạt động của đảng, nhất là về nhân sự, đảng viên gồm toàn những tu sĩ và giáo dân. Đối với những đảng viên của Cần lao không chịu theo Công giáo đều bị Diệm – Nhu loại bỏ và liệt vào danh sách những người đối lập. Vì Đảng Cần lao Nhân Vị là nòng cốt của chính quyền nên cùng với sự ra đời Đảng Cần lao Công giáo là quá trình Diệm “Cần lao Công giáo hóa” bộ máy cai trị từ trung ương đến cơ sở.

Đảng Cần lao Nhân vị trở thành đảng chính trị độc tôn và hoạt động lũng đoạn chế độ. Với hệ thống ngầm tồn tại bên trong và bên trên chính quyền, không chỉ giúp anh em Ngô Đình Diệm nắm vững được các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội từ trung ương đến cơ sở, mà thực tế Đảng Cần lao trở thành một “Siêu chính quyền” bên trong chính quyền, trực tiếp tham gia hoạch định các quốc sách của chế độ Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1955-1963.

3. Phong trào Cách mạng Quốc gia

Phong trào Cách mạng Quốc gia chính thức thành lập ngày 2 tháng 10 năm 1955, theo nghị định 966/NV của Tổng trưởng

Nội vụ Việt Nam Cộng hòa do Trần Chánh Thành – Bộ trưởng Thông tin là chủ tịch[13]. Sự ra đời của tổ chức này nằm trong chủ trương đường lối hoạt động của Đảng Cần lao Nhân vị, đối tượng thu nạp gồm “tất cả những phần tử quốc gia, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, nam nữ trên 21 tuổi”[14].

Chế độ Việt Nam Cộng hòa ra đời, phần lớn lực lượng của Đảng Cần lao Nhân vị đều nằm trong bóng tối, hoạt động thông qua các đoàn thể chính trị xã hội. Ngô Đình Nhu chỉ đưa một phần cơ sở Đảng Cần lao Nhân vị ra hoạt động công khai để tổ chức, lãnh đạo Phong trào Cách mạng Quốc gia. Trong đảng quy của Đảng Cần lao Nhân vị: “Trong giai đoạn hiện thời, để ứng phó với tình thế, để các Cấp Bộ trực tiếp lãnh đạo Phong trào Cách mạng Quốc gia, hoàn thành nhiệm vụ lớn lao, Đảng đã quyết định công khai hóa bằng cách hợp thức việc tổ chức và đưa một phần cơ sở ra công khai hóa”[15]. Để tăng cường lực lượng của tổ chức, anh em Ngô Đình Nhu – Ngô Đình Diệm cho sáp nhập Liên đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia, Liên đoàn Tư chức Cách mạng Quốc gia, Tập đoàn công dân, Phong trào tranh thủ tự do... vào tổ chức này.

Ngay khi mới thành lập, Phong trào Cách mạng Quốc gia đưa ra “chương trình tối thiểu” nhưng bao hàm tất cả các mặt hoạt động trọng yếu của chính quyền Việt Nam Cộng hòa: “Thành lập Quốc hội lâm thời tiến tới Quốc hội chính thức; thống nhất Quân đội quốc gia chống cộng. Tổ chức chỉ huy, huấn luyện, đôn đốc xây dựng lực lượng quân sự. Khuyếch trương kinh tế, mở mang buôn bán với nước ngoài, cải cách điền địa”[16].

Về tổ chức: Phong trào Cách mạng Quốc gia được tổ chức khá chặt chẽ. Trải khắp từ Trung ương đến cơ sở với ba hệ

thống và các cơ sở đặc biệt “cả ba hệ thống và các cơ sở đặc biệt đều là chủ lực của “phong trào”. Đây là chưa nói tới các đoàn thể phụ thuộc mà phong trào sẽ tổ chức lên để hướng dẫn mọi hoạt động trong xã hội”[17]. Trong đó: “Hệ thống A: đi từ toàn quốc đến liên tỉnh, tỉnh (thành), quận (khu phố), xã (phố) thôn... cho tới tiểu tổ. Trung ương có Tổng bộ gồm nhiều liên tỉnh, liên tỉnh gồm nhiều tỉnh bộ, tỉnh bộ gồm nhiều quận bộ, quận bộ gồm nhiều xã bộ, xã bộ gồm nhiều chi bộ, chi bộ gồm nhiều tiểu tổ, tiểu tổ gồm từ 3 đến 5 người. Hệ thống B: nằm trong một đoàn thể chặt chẽ lưu động, có sinh hoạt kinh thường và thuần nhất như trong quân đội. Trong quân đội, Phong trào Cách mạng quốc gia sẽ đi từ cấp bộ cao nhất là Bộ Tổng tham mưu tới các đơn vị nhỏ dần, cho tới tiểu tổ (ở trong một trung đội hay tiểu đội). Các cơ sở phong trào sẽ chịu mệnh lệnh ở cấp trên trực tiếp trong hệ thống, các cơ sở cao nhất trong quân đội sẽ nhận mệnh lệnh ở Ban chấp hành Trung ương của phong trào. Đôi khi quân đội sẽ chia làm nhiều quân đoàn, mỗi quân đoàn đóng cố định trong một chiến khu (kỳ hay liên tỉnh), lúc đó nên đặt Ban chấp hành Quân Đảng cao nhất trong chiến khu, trực thuộc Ban chấp hành phong trào liên khu. Hệ thống C: Nằm trong một đoàn thể chặt chẽ cố định, có sinh hoạt kinh thường chặt chẽ, thuần nhất như một Liên đoàn Nông dân. Mỗi cấp bộ của hệ thống này sẽ đặt dưới quyền cấp bộ trên cùng hệ thống, về phương diện tổ chức, sinh hoạt, kỷ luật... nhưng sẽ đặt dưới quyền trực thuộc của ban chấp hành cấp bộ phong trào tương đương về phương diện hoạt động chính trị.

Những cơ sở đặc biệt – Đảng đoàn chính quyền. Chính phủ – Quốc hội đặt dưới quyền Ban Chấp hành trung ương, những cơ sở trong các công sở, trường học,

xí nghiệp, đặt dưới quyền ban chấp hành phong trào địa phương[18]. Bên cạnh đó Phong trào Cách mạng Quốc gia còn tổ chức “Hội Nghiên cứu chính trị, Đoàn Thanh niên, Đoàn trí thức chống Cộng”[19].

Phong trào Cách mạng Quốc gia tự cho mình ở vị trí then chốt trong mối quan hệ với các tổ chức khác như Thanh niên Cộng hòa, Phụ nữ Liên đới, Liên đoàn Công chức: “Phong trào Cách mạng Quốc gia là một đoàn thể chính trị cán bộ nòng cốt có tính chất đấu tranh cao độ”. “Nếu để riêng các Tổng liên đoàn Công nhân, thì các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Công chức Cách mạng Quốc gia nhằm đến mục tiêu tinh thần nhuốm ít nhiều màu sắc chính trị... Thanh niên, phụ nữ là “vườn ươm” của Phong trào – đổi lại phong trào cần phải lồng vào thanh niên, phụ nữ làm nòng cốt cho hàng ngũ thanh niên, phụ nữ”[20].

Phong trào Cách mạng Quốc gia giữ vai trò là một bên – bên kia là Đảng Cần lao Nhân vị trong cơ cấu “đa đảng” mô hình của dân chủ. Phong trào Cách mạng Quốc gia có vai trò quan trọng trong bộ máy chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Trên thực tế, chủ trương, hoạt động của Phong trào Cách mạng Quốc gia đều được chính quyền Ngô Đình Diệm đưa ra thực hiện. Là nòng cốt trong Quốc hội, tổ chức này giữ vai trò quyết định trong việc hoạch định và thực thi các chính sách của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Giúp Ngô Đình Nhiệm phế truất Bảo Đại, giành “thắng lợi” trong các cuộc bầu cử (gian lận) ở hai nhiệm kỳ Quốc hội và bầu cử Tổng thống 1961.

Vai trò của Phong trào Cách mạng Quốc gia đối với chính quyền Ngô Đình Diệm được khẳng định trong những năm cuối của chế độ Đế nhất Cộng hòa. Năm 1962, trước sự phát triển của phong trào

cách mạng, chính quyền Việt Nam Cộng hòa lâm vào tình trạng khủng hoảng. Để cứu nguy cho chế độ, ý thức được rõ vai trò của nhân tố nhân dân đối với sự sống còn của chế độ, Ngô Đình Diệm tiến hành cải tổ, đưa ra mục tiêu mới: “Đoàn kết các phần tử quốc gia giác ngộ thành một khối để bảo vệ độc lập, tranh thủ thống nhất quốc gia, xây dựng dân chủ nhân vị trên nền tảng “tự do con người – công bằng xã hội – liên đới quốc gia” để tạo lập một xã hội mới, một nền tảng văn minh mới. Vì nhân dân là căn bản của quốc gia, Phong trào Cách mạng Quốc gia phải là một lực lượng nhân dân, xuất phát từ nhân dân và hướng về nhân dân”. Đồng thời khẳng định: “Đoàn kết chính trị bao giờ cũng nắm giữ chính quyền để làm phương tiện tác động – lãnh tụ đoàn thể ta đã nắm chính quyền, thì chúng ta phải sử dụng một cách chân chính giá trị của phương tiện đó”[21].

Trên cơ sở biện giải như vậy, phong trào này đã đưa ra phương án thành lập một “Ủy ban điều luật chung cho chính quyền và các đoàn thể huynh đệ” trong đó cán bộ nòng cốt của phong trào là hạt nhân, phong trào giữ vị trí trung tâm, được tổ chức “trên nguyên tắc tự túc, nhất là cuộc Cách mạng Nhân vị, cơ sở cách mạng là nhân dân, cơ sở đoàn thể là nhân dân. Phải quay về bản chất nhân dân, quay về cơ sở nhân dân mà tổ chức”[22].

4. Giáo dân Công giáo di cư

Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành được độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Với chính sách đại đoàn kết toàn dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh cử Nguyễn Mạnh Hà, một tri thức công giáo, làm Bộ trưởng kinh tế trong chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cử giám mục Lê Hữu Từ làm cố vấn của Chính phủ... Ngày 1-7-1949, Thánh tước đức của Tòa thánh

Vatican tuyên bố: “Tất cả những ai hợp tác với Đảng Cộng sản, hoặc bỏ phiếu cho Cộng sản, hoặc đọc, xuất bản, phân phối báo chí Cộng sản, hoặc giúp đỡ bất kỳ cách nào cho Đảng Cộng sản đều bị khai trừ khỏi các bí tích”[23]. Các giám mục lãnh đạo Giáo hội Công giáo Việt Nam ra thư chung mục vụ ngày 9.11.1951 “chẳng những cảm ơn chị em (giáo dân Việt Nam) không được vào Đảng Cộng sản mà anh chị em cũng không được hợp tác với họ, hay làm bất cứ việc gì có thể góp phần cách nào cho Đảng Cộng sản lên nắm chính quyền”[24].

Giáo dân Việt Nam bị phân hóa. Những người Công giáo yêu nước tiếp tục chiến đấu giành độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chấp nhận bị vạ tuyệt thông. Những người khác rời bỏ kháng chiến, hoặc nằm im, hoặc đứng về phía thực dân Pháp và bù nhìn Bảo Đại để chống lại Tổ quốc mình. Các giáo sĩ Công giáo chống Cộng như Lê Hữu Từ, Phạm Ngọc Chi, linh mục Hoàng Quỳnh, lập ra các giáo khu (thực chất là các chiến khu) Phát Diệm và Bùi Chu, cho lực lượng vũ trang có tự vệ Công giáo đông hàng chục nghìn quân được Pháp trang bị súng đạn và trả lương. Một linh mục cho biết quân Công giáo “tổ chức ruồng bô liên tục các làng lương chung quanh, bắt giam hoặc giết chết, khỏi cần toàn án, tất cả những chiến sĩ du kích và những ai bị tình nghi là Việt Minh. Theo gương lính Pháp, họ cướp bóc các làng, lấy trộm, tàn sát, thiêu rụi tất cả những gì bị coi là ỏ kháng chiến”[25]. Tuy không cứu được thực dân Pháp khỏi thảm bại cuối cùng, quân Công giáo gây ra nhiều khó khăn cho công cuộc kháng chiến ở vùng phía Nam đồng bằng sông Hồng.

Mỹ xem số giáo sĩ và giáo dân Công giáo chống Cộng ở miền Bắc là một lực

lượng chính trị – xã hội quan trọng, có thể sử dụng làm hậu thuẫn cho chế độ Ngô Đình Diệm. Vì vậy, trước khi Hiệp định Genève được ký, Hoa Kỳ cho một phần của Phái bộ quân sự Sài Gòn ra miền Bắc để kích động người dân nói chung và giáo dân nói riêng di cư vào miền Nam. Người của Phái bộ quân sự Sài Gòn tung tin hù dọa “Mỹ sẽ ném bom nguyên tử hủy diệt miền Bắc”[27] vừa lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của con chiên: “Người ta đồn rằng Đức Mẹ hiện lên ở Ba Làng (Thanh Hóa) để ra lệnh cho giáo dân đi vào Nam, bởi vì Mẹ cũng bỏ miền Bắc Việt Nam”[26], “ai ở lại miền Bắc sẽ có nguy cơ đánh mất linh hồn”. Vì vậy, trong số 927.000 người đi vào Nam có tới 794.000 giáo dân chiếm 85,6%[28]. Chính phủ cho nhiều máy bay và 41 tàu chiến của Hạm đội 7 chở người di cư vào Nam với cung cấp 55,785 triệu đô la để tái định cư họ[29]. Số giáo dân miền Bắc di cư vào được Diệm tín nhiệm về mặt chính trị, trở thành nguồn nhân lực chủ yếu của bộ máy hành chính, chính trị quân sự của chế độ Sài Gòn. Một linh mục cho biết: “Trong một nước chỉ có 10% (dân số) là (tín đồ) Công giáo mà tại Quốc hội, có tới 30% dân biểu Công giáo với 3 vị chủ tịch Quốc hội liên tiếp là Công giáo; trong bộ máy hành chính, có 9/14 tỉnh trưởng miền Trung và 14/18 tỉnh trưởng miền Nam là Công giáo; trong chính phủ có 4/12 bộ trưởng là Công giáo; trong quân đội, 3 trong số 16 tướng lĩnh là Công giáo”[30].

Một cựu tướng lĩnh của quân đội Sài Gòn cho biết thêm: “Trong Quốc hội thì chủ tịch luôn luôn là người Công giáo, đa số dân biểu đều là người Công giáo...cho đến năm 1963, trừ thị trưởng Đà Lạt là người theo Phật Giáo, tất cả các tỉnh trưởng, thị trưởng tại miền Trung và Cao Nguyên đều là tín đồ Thiên chúa giáo. Tỉnh trưởng nhiều tỉnh ở Nam phần như: Gia Định, Bình Tuy, Long Khánh, Phước Thành, Phước Long, Định Tường, Kiến Hòa, Vĩnh Long... đều là người Công giáo”[31].

Chế độ Việt Nam Cộng hòa xây dựng ở miền Nam Việt Nam thời Ngô Đình Diệm do Hoa Kỳ đứng đằng sau khoác áo dân chủ, mà thực chất là chế độ tay sai, “con đẻ” của chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Chế độ Việt Nam Cộng hòa, một thực thể có sự tồn tại đan xen lẫn yếu tố phong kiến, chuyên chế và độc tài trong cái vỏ cộng hòa, dân chủ. Một trong những chế độ thuộc địa điển hình của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, cực kỳ phản động, chống Cộng quyết liệt. Chế độ đó sẵn sàng sử dụng những thủ đoạn thâm độc và hành động dã man, phát xít nhất để đàn áp lực lượng và phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam. Đó cũng là thực chất cái gọi là “sự chèo lái” của Ngô Đình Diệm trong mấy năm đầu tạo dựng một chế độ tay sai làm công cụ cho ngoại bang và phụ thuộc vào sức lực, viện trợ của ngoại bang mà thôi.

THE SOCIAL-POLITICAL PILLARS OF FIRST REPUBLIC GOVERNMENT IN THE SOUTH OF VIETNAM (1954-1963)

Pham Thuc Son

Thu dau Mot University

ASBTRACT

The administration of the first Republic Government in the South of Vietnam (1954-1963) had built and created the socio-political background including the family mechanism of Ngo,

emigrating Catholic parishioners, Personalist Labor (Can Lao Nhan Vi) Party and the National Revolutionary Movement. These are socio-political pillars existing continuously from 1955 to 1963 when Ngo Dinh Diem regime was overthrown. Personalist Labor Party and National Revolutionary Movement gathers forces creating a social foundation to fight against opposition forces, helping Ngo Dinh Diem depose Bao Dai, etc. These two organizations, a sink and a floating one plus the assignment of the key positions in the Personalist Labor party, in Government for the people in the family and the Christian forces from the North to have become a mainstay on politics and sociality of the first Government of the Republic of Vietnam. Mainstay on politics and sociality during the first Republic of South Vietnam help Ngo Dinh Diem fulfill his role on the "stage" of politics, acquiring the power that still divulges the so-called "independence" and "democracy" in South Vietnam.

CHÚ THÍCH

- [1] Thomas L.Ahern Jr. (2000), *CIA and the House of Ngo*, Center for the Study of Intelligence, USA, pp. 16, 21.
- [2] Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ, trang 123.
- [3] Báo Informations catholiques internationles, ngày 15/4/1963.
- [4] [6] Hoành Linh Đỗ Mậu (2001), *Tâm sự tướng lưu vong (Việt Nam máu lửa quê hương tôi)*, NXB Công an Nhân dân, trang 136, 1939.
- [7] [9], [11], [12], [15], *Đảng cương Cần lao Nhân vị Cách mạng Đảng*, hồ sơ 29361, phong Phủ tổng thống, TTII.
- [8] Ráp Mắcghi (1983), *Sự lừa dối kinh hoàng*, VN.905 .TTII. Trang 237.
- [10] *Tuyên ngôn Cần lao Nhân vị Cách mạng Đảng*, hồ sơ 29361, Phong Phủ Tổng thống, TTII.
- [13] *Nghị định số 966-NV, ngày 2-10-1955 của Tổng trưởng Nội vụ Việt Nam Cộng hòa v/v thành lập Phong trào Cách mạng Quốc gia*, hồ sơ 29257, phong Phủ Tổng thống, TTII.
- [14] *Điều lệ Phong trào Cách mạng Quốc gia*, hồ sơ 29257, phong Phủ Tổng thống, TTII.
- [16] *Cung từ của Lưu Thành Hữu ngày 10-11-1963 về tổ chức tổng quát cơ sở nghiên cứu chính trị xã hội*, hồ sơ 92, phong Hội đồng Quân nhân Cách mạng, TTII.
- [17] [18], [19] *Tổ chức Phong trào Cách mạng Quốc gia*, hồ sơ 29257, phong Phủ Tổng thống, TTII.
- [20] [21], [22] *Đề án cải tổ đoàn thể Phong trào Cách mạng Quốc gia ngày 17.12.1962*, hồ sơ 29362, phong Phủ Tổng thống, TTII.
- [23] [24], [25], [27], [30] Trần Trọng Trung (1987), *Một cuộc chiến tranh sáu đời tổng thống*, Tập 2, NXB Văn Nghệ TP HCM, tr. 85, 93, 94, 103, 212.
- [26] Lê Duẩn (1970), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, NXB Sự Thật, trang 900.
- [28] Joseph Buttinger (1967), *Vietnam a Dragon Embattled*, Praeger, New York, pp. 900.
- [29] Richard W.Linholm (1959), *Vietnam: the first five years*, Michigan state University press, pp. 317.
- [31] Nguyễn Phương Nam (2010), *Thảm họa của một “bầy điều hâu” về các tổng thống Mỹ trong chiến tranh Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, trang 188 – 190.